

Bản án số: 21/2021/DSST
Ngày: 30/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thiện
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Viết Côi, Ông Nguyễn Hạ Tuấn
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trương Thị Lan, Cán bộ TAND huyện UH
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khuyến, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 61/2021/TLST-DS ngày 28/10/2021 về: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-DS ngày 10/11/2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Minh T**- sinh năm 1986. Nơi ĐKKHKT: số nhà 25, ngõ 10, Hà Trì 5, phường HC, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Bà **Trịnh Thị L** - sinh năm 1961 và ông **Nguyễn Hà T**, sinh năm 1954. Đều có nơi ĐKKHKT: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: số nhà 25, ngõ 10, Hà Trì 5, phường HC, quận HĐ, thành phố Hà Nội. (*chị T ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng tại Tòa; anh Tú, bà L và ông T đều có mặt*).

NHẬN THẤY:

* *Theo Đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:* Về mối quan hệ: Anh là cháu gọi ông Nguyễn Hà T, bà Trịnh Thị L là bác ruột. ông T là anh trai ruột của mẹ đẻ anh.

Vợ anh là Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1986; có địa chỉ: TDP Độc Lập, phường Vạn Phúc, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng anh hiện đều đang cư trú tại: số nhà 25, ngõ 10, Hà Trì 5, phường HC, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Anh xin khai với tư cách nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Quỳnh T.

* Ngày 02/10/2010 dương lịch, anh có cho bà Trịnh Thị L - sinh năm 1961, có địa chỉ tại thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội, vay số tiền 600.000.000đồng. Việc vay nợ này được lập thành Giấy Biên Nhận Vay Tiền có đầy đủ chữ ký của người vay tiền là bà Trịnh Thị L, trong đó có thỏa thuận về lãi suất là 2,5%/tháng (tức là 15.000.000đồng/tháng), không có thỏa thuận về thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau khi nào anh cần, báo, thì bà L sẽ trả ngay cho anh. Giấy vay nợ do đích thân bà L tự tay viết. Trong nội dung có ghi “*hai bác T L vay cháu T Tú*”, tuy nhiên, anh không giao dịch với ông T, nhưng ông T cũng biết việc bà L vay tiền của anh và không có ý kiến gì. Anh trực tiếp giao tiền cho bà L tại nhà anh ở HĐ. Ngày 15/12/2010 dương lịch, bà L mới trả cho anh tiền lãi của 01 tháng là số tiền 15.000.000đồng, do chị Loan là con gái lớn của bà L mang tiền trả anh thay bà L.

Đến ngày 19/03/2011 dương lịch, bà L tiếp tục trả cho anh số tiền 200.000.000đồng nợ gốc, bà L nhờ chị Loan mang tiền trả cho anh. Kể từ đó trở đi bà L không trả được cho anh bất cứ đồng tiền lãi hay gốc nào. Tính đến nay bà L còn nợ anh số tiền nợ gốc là 400.000.000đồng và tiền nợ lãi kèm theo.

* Ngày 21/5/2011 dương lịch chị Nguyễn Thị Thanh Thảo - sinh năm 1990 là con gái bà L cũng có địa chỉ ở ĐX, xã HN, huyện UH, có vay anh số tiền 100.000.000đồng. việc vay nợ này cũng được lập thành giấy biên nhận vay nợ có chữ ký của chị Thảo với tư cách bên vay. Anh trực tiếp giao tiền vay cho chị Thảo. Trong giấy biên nhận nợ chỉ ghi nội dung số tiền vay, không có thỏa thuận về lãi suất và cũng không thỏa thuận thời gian trả, chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau lãi suất là 2,5%/tháng và khi nào cần tiền, anh báo trước thì chị Thảo sẽ lo tiền trả nợ cho Anh. Tuy nhiên, cho đến nay chị Thảo vẫn chưa thanh toán trả anh một đồng tiền nợ gốc hay lãi nào.

* Ngày 16/7/2011 dương lịch anh Nguyễn Hà Thanh - sinh năm 1986 là con trai bà L cũng có địa chỉ ở ĐX, xã HN, huyện UH, có vay anh số tiền 100.000.000đồng. Việc vay nợ này cũng được lập thành giấy biên nhận vay nợ có chữ ký của anh Thanh với tư cách bên vay. Anh trực tiếp giao tiền cho anh Thanh. Trong giấy biên nhận nợ chỉ ghi nội dung số tiền vay, không có thỏa thuận về lãi suất và cũng không thỏa thuận thời gian trả, chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau lãi suất là 2,5%/tháng và khi nào cần tiền, anh báo trước thì anh Thanh sẽ lo tiền trả nợ cho anh. Tuy nhiên, cho đến nay anh Thanh vẫn chưa thanh toán trả anh một đồng tiền nợ gốc hay lãi nào.

* Ngày 28/7/2011 dương lịch chị Nguyễn Thị Loan - sinh năm 1985 là con gái bà L cũng có địa chỉ ở khu trạm điện Ba La, phường Phú La, quận HĐ, có vay anh số tiền 50.000.000đồng. Việc vay nợ này cũng được lập thành giấy biên nhận vay nợ có chữ ký của chị Loan với tư cách bên vay. Anh trực tiếp giao tiền cho chị Loan. Trong giấy biên nhận nợ chỉ ghi nội dung số tiền vay, không có thỏa thuận về lãi suất và

cũng không thỏa thuận thời gian trả, chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau lãi suất là 2,5%/tháng và khi nào cần tiền, anh báo trước thì chị Loan sẽ lo tiền trả nợ cho anh. Tuy nhiên, cho đến nay chị Loan vẫn chưa thanh toán trả anh một đồng tiền nợ gốc hay lãi nào.

Rất nhiều lần anh gặp gỡ gia đình bà L, ông T, chị Thảo, anh Thanh và chị Loan yêu cầu trả nợ cho anh nhưng gia đình bà L, ông T, chị Thảo, anh Thanh và chị Loan vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh.

Tại buổi hòa giải, vợ chồng ông T bà L thừa nhận là người đứng ra vay của anh tổng số tiền nợ gốc 650.000.000đồng như đã nêu trên, việc anh Nguyễn Hà Thanh, chị Nguyễn Thị Thanh Thảo và Nguyễn Thị Loan đứng ra nhận tiền vay và ký nhận với anh chỉ là ký nhận tiền hộ vợ chồng ông T bà L, nay vợ chồng ông T bà L đều thừa nhận trách nhiệm trả nợ cho anh toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên, anh đồng ý, anh chỉ yêu cầu ông T bà L có trách nhiệm trả nợ cho anh, anh không yêu cầu anh Nguyễn Hà Thanh, chị Nguyễn Thị Thanh Thảo và Nguyễn Thị Loan có trách nhiệm trả nợ cho anh nữa.

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh có yêu cầu khởi kiện bà L, anh Thanh, chị Thảo và chị Loan đều có nghĩa vụ trả nợ vay cho anh. Tại buổi hòa giải, anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Hà Thanh, chị Nguyễn Thị Thanh Thảo và Nguyễn Thị Loan; Anh chỉ khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Hà T bà Trịnh Thị L yêu cầu trả nợ cho anh, cụ thể yêu cầu khởi kiện của anh như sau:

- Buộc bà Trịnh Thị L và ông Nguyễn Hà T có trách nhiệm L đới trả ngay cho anh số tiền nợ gốc 650.000.000đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2012 cho đến khi thanh toán trả anh toàn bộ khoản nợ trên với lãi suất 10%/năm;

- Trường hợp bà L, ông T không trả nợ cho anh thì anh được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản của bà L, ông T để thu hồi nợ cho anh.

** Theo Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hà T bà Trịnh Thị L đều thống nhất trình bày:* Về mối quan hệ: ông T là bác ruột của anh Tú, bà L là bác dâu của anh Tú.

Ông T bà L thừa nhận các lần vay nợ như anh Trình bày ở trên là đúng.

Việc vay nợ anh Tú, hoàn toàn là của vợ chồng ông bà, không L quan gì đến các con ông bà là anh Nguyễn Hà Thanh, chị Nguyễn Thị Thanh Thảo và Nguyễn Thị Loan. Các con của ông bà chỉ ký, nhận tiền vay hộ ông bà chứ các con ông bà không vay tiền của anh Tú.

Ông T bà L nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho anh Tú. Ông T bà L cũng thừa

nhận tổng số tiền gốc còn nợ anh T là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Kể từ thời điểm vay đến hết năm 2011 vợ chồng ông bà vẫn trả nợ lãi cho anh T đầy đủ. Về số tiền lãi đã trả cho anh Tú, ông bà không có ý kiến gì. Bắt đầu từ năm 2012 cho đến nay, do kinh tế gia đình ông bà gặp khó khăn, nên ông bà không trả nợ anh T theo đúng hạn được.

Nay anh T khởi kiện ông bà ra Tòa án yêu cầu trả nợ, quan điểm của ông bà như sau:

- Ông bà thừa nhận hiện còn nợ anh T tổng số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); Ông bà nhận hoàn toàn trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ gốc trên;

- Ông bà thừa nhận kể từ khi vay đến hết năm 2011 ông bà trả tiền lãi cho anh T đầy đủ, về số tiền lãi đã trả này ông bà không có ý kiến gì.

- Ông bà thừa nhận bắt đầu từ năm 2012 cho đến nay ông bà không trả được nợ lãi cho anh Tú;

- Kinh tế gia đình ông bà gặp khó khăn, ông T lại đang ốm đau L miên, ông bà đề nghị anh T miễn tiền lãi cho ông bà. Về số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) ông bà đề nghị được trả cho anh T dần theo từng tháng, mỗi tháng trả từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, tháng nào có nhiều hơn thì trả nhiều hơn.

- Ông bà có quan điểm hiện ông bà đã 60 tuổi, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông bà đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ tiền án phí cho ông bà.

Tại phiên tòa: chị T ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng, chị T vắng mặt, anh Tú, bà L và ông T đều có mặt. Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà L và ông T đều giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây. Anh Tú, bà L và ông T đều không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ và đều không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH có quan điểm về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự được trình bày ý kiến, quan điểm của mình; tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng hòa giải không thành. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hà T bà Trịnh Thị L đều có nghĩa vụ L đới thanh toán ngay cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2012 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả. Bị đơn ông Nguyễn Hà T bà Trịnh

Thị L đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên, Bị đơn đều đã trên 60 tuổi nên được giảm một phần tiền án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Nguyên đơn là anh Nguyễn Minh Tú. Tại đơn khởi kiện và căn cứ theo Giấy biên nhận vay tiền, Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đối với bà Trịnh Thị L và 03 người con bà L là anh Nguyễn Hà Thanh, chị Nguyễn Thị Loan và chị Nguyễn Thị Thanh Thảo, nên Tòa án xác định Các Bị đơn là bà Trịnh Thị L cùng 03 con bà L có tên nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tại buổi hòa giải tại Tòa án, cả Nguyên đơn cùng vợ chồng ông Nguyễn Hà T bà Trịnh Thị L đều xác định 03 con bà L có tên nêu trên chỉ đứng ra ký, nhận tiền vay với anh Thộ ông T bà L, anh Tcũng xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Thanh, chị Loan và chị Thảo; anh Tchi yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà L, nên Hội đồng xét xử xác định thay đổi tư cách tố tụng của các đương sự, cụ thể: xác định Nguyên đơn - anh Nguyễn Minh Tú; đồng các bị đơn - ông Nguyễn Hà T và bà Trịnh Thị L; anh Nguyễn Hà Thanh, chị Nguyễn Thị Loan và Nguyễn Thị Thanh Thảo không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách bị đơn nữa.

Do đó, xác định, tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn - anh Nguyễn Minh Tvà các bị đơn - ông Nguyễn Hà T, bà Trịnh Thị L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện UH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng; Nguyên đơn và các Bị đơn đều có mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn - anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn - vợ chồng ông T bà L phải thanh toán ngay cho anh số tiền nợ gốc chưa trả là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và nợ lãi tính từ ngày 01/01/2012 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh T có nộp cho Tòa án 01 Giấy biên nhận vay tiền (Bút lục số 09, 10). Vợ chồng ông T bà L đều thừa nhận

Giấy Biên nhận vay tiền này là đúng và cũng thừa nhận có vay tiền của anh Ttheo giấy biên nhận vay tiền này, và hiện nay còn nợ anh Ttiền nợ gốc 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*), do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu trả tiền nợ gốc của anh Thoàn toàn có căn cứ được chấp nhận.

Ngoài ra, về khoản tiền nợ lãi anh Tcó yêu cầu vợ chồng ông T bà L phải trả tính từ ngày 01/01/2012 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương tứng với thời gian chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng ông T bà L đều thừa nhận mới chỉ trả tiền lãi cho anh Tkể từ khi vay cho đến hết năm 2011 và về số tiền lãi đã trả này ông bà không có ý kiến gì, bắt đầu từ năm 2012 ông bà không tiếp tục trả lãi cho anh Tđược nữa. Nay anh Tyêu cầu ông bà phải trả lãi, ông bà có quan điểm do kinh tế gia đình khó khăn nên đề nghị anh Tmiễn tiền lãi cho ông bà. Tuy nhiên, việc yêu cầu trả lãi là của anh Tú, nghĩa vụ trả lãi là của vợ chồng ông T bà L, đồng ý miễn lãi cho ông T bà L hay không cũng là quyền của anh Tú. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu trả tiền lãi của anh Tvới mức lãi suất 10%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông T bà L đều thừa nhận số nợ gốc 650.000.000đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) cùng tiền nợ lãi kèm theo với ông Hạnh là nợ chung của vợ chồng ông bà, do đó ông T và bà L đều có trách nhiệm L đới trong việc trả nợ cho anh Tlà phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hà T, bà Trịnh Thị L có trách nhiệm L đới thanh toán trả ngay cho anh Tsố tiền nợ gốc là: 650.000.000đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2012 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất 10%/năm tương tứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Hà T bà Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đới với yêu cầu của anh Tđược chấp nhận, tuy nhiên ông T và bà L đều đã trên 60 tuổi, hoàn cảnh gia đình hiện khó khăn, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương, do đó, ông T và bà L đều được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, 278, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ Luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Tú.

2. Buộc ông Nguyễn Hà T cùng vợ là bà Trịnh Thị L có trách nhiệm L đối thanh toán ngay cho anh T khoản tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến khi thanh toán hết khoản nợ, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền dư nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp vợ chồng ông T bà L không trả nợ cho anh Tú, thì anh T được quyền làm đơn đến Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu thi hành án bất kỳ tài sản nào của vợ chồng ông T bà L để thu hồi nợ cho anh T theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Ông T và bà L đều được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Minh T số tiền 15.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0057231 ngày 28/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện UH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) đối với người vắng mặt. /.

Nơi nhân

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA H. UH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ; v/p.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

